TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H P**

Bản án số: 07/2023/DS- ST
Ngày: 15/8/2023
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh H

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hoàn

Bà Đoàn Thị Duyên

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình*** *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Th - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLST- DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc "tranh chấp chia di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Bùi Đức Tr, sinh năm 1954, "vắng mặt".

Địa chỉ: thôn M, xã Q, huyện X, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Đức Tr:

Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1978, "có mặt".

Địa chỉ: Số * Cổ Loa, phường *, TP Đ tỉnh Lâm Đồng.

Bà Lê Kim X, sinh năm 1973, "có mặt".

Địa chỉ: Số *, đường T, phường *, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957, "có mặt".

Địa chỉ: thôn M, xã Q, huyện X, tỉnh Thái Bình.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Bùi Đức Tr*: Luật sư Phạm Hữu L và Luật sư Phạm Xuân Tr, "có mặt".

Văn phòng luật sư Phạm Hữu L và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: SN *, đường *, phường *, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: ông Bùi Đức M, sinh năm 1963, "có mặt".

Địa chỉ: thôn M, xã Q, huyện X, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Bùi Đức M: Luật sư Nguyễn Ngọc Th, "có mặt".

Công ty Luật TNHH Th – Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: số *, đường L, tổ *, phường Kỳ Bá, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

+ Bà Bùi Thị L, sinh năm 1959, " vắng mặt".

Địa chỉ: thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai.

+ Bà Bùi Thị Thanh Nh, sinh năm 1954, "có mặt".

Địa chỉ: số nhà *, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

+ Ông Bùi Đức M, sinh năm 1960, "có mặt".

+ Bà Bùi Thị T, sinh năm 1962, "có mặt".

+ Bà Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1971, "có mặt".

Đều ở địa chỉ: thôn M, xã Q, huyện X, tỉnh Thái Bình.

+ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1964, "có mặt".

Địa chỉ: thôn C, xã M, huyện X, tỉnh Thái Bình.

+ Ông Bùi Đức H, sinh năm 1967, "có mặt".

Địa chỉ: số nhà *, ngõ 1*, đường B, phường Kh, quận Th, TPH Nội.

+ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1968, "có mặt".

Địa chỉ: ki ốt *, tòa nhà *, L, phường H, TPH Nội.

+ Ông Bùi Đức C, sinh năm 1970, "có mặt".

Địa chỉ: SN *, đường Đ, Phường T, TP B, tỉnh Thái Bình.

+ Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1972, "có mặt".

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn X, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

+ Ông Bùi Đức Th, sinh năm 1976, "có mặt".

Địa chỉ: số nhà *, đường Nguyễn Văn Kh, phường *, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 (vợ ông Bùi Đức M), "có mặt".

+ Bà Trương Thị P, sinh năm 1973 (vợ ông Bùi Đức M), "có mặt".

Đều ở địa chỉ: thôn M, xã Q, huyện X, tỉnh Thái Bình.

+ Bà Nguyễn Thị Th H, sinh năm 1971 (vợ ông Bùi Đức H), "vắng mặt".

Địa chỉ: nhà *, ngõ 1*, đường B, phường Kh, quận Th, TPH Nội.

+ Bà Đỗ Thị Ng, sinh năm 1978 (vợ ông Bùi Đức Th), "vắng mặt".

Địa chỉ: số nhà *, đường Nguyễn Văn Kh, phường *, Quận G,, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Bùi Thị L, sinh năm 1973 (vợ ông Bùi Đức C), "vắng mặt".

+ Anh Bùi Văn M, sinh năm 1991 (con ông Bùi Đức C), "vắng mặt".

+ Chị Bùi Thị Kim L, sinh năm 1997 (con ông Bùi Đức C), "vắng mặt".

Đều ở địa chỉ: số nhà *, tổ *, khu *, phường Trần Hưng Đ, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà Bùi Thị L, bà Bùi Thị Thanh Nh, bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị Kim Th, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị Th là bà Trương Thị P (là đương sự trong vụ án).

- *Người đại diện theo ủy quyền* của ông Bùi Đức H, ông Bùi Đức Th, bà Nguyễn Thị Th H, bà Đỗ Thị Ng, bà Bùi Thị L, anh Bùi Văn M và chị Bùi Thị Kim L là ông Bùi Đức C (là đương sự trong vụ án).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích của những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan* ông Bùi Đức M, ông Bùi Đức C, ông Bùi Đức H, ông Bùi Đức Th, bà Bùi Thị L, bà Bùi Thị Thanh Nh, bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị Kim Th, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị Th, bà Trương Thị P: Luật sư Nguyễn VănH và Luật sư Lưu Thị NgọcL, "có mặt".

Văn phòng Luật sưHL và cộng sự - Đoàn Luật sư thành phốH Nội.

Địa chỉ: số B, phố Hoàng Như T, Quận Long Biên, TPH Nội.

***4. Những người làm chứng**:*

+ Ông Bùi Văn T, sinh năm 1959, "có mặt".

Địa chỉ: thôn M, xã Q, huyện X, tỉnh Thái Bình.

+ Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1971, "vắng mặt".

Địa chỉ: thôn Trà V, xã Q, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

+ Ông Đào Văn H, sinh năm 1948, "có mặt".

Địa chỉ: thôn C, xã Q, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bố ông là cụ Bùi Đức Kh, sinh năm 1926 lấy mẹ ông là cụ Phan Thị R (D) sinh năm 1924 vào năm 1953, không đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa pH, hai cụ sinh được 4 người con là: ông Bùi Đức Tr, ông Bùi Đức M, bà Bùi Thị L, ông Bùi Đức M. Hai cụ sử dụng khoảng 2930m^2 đất ở và 1183m^2 đất ao tại thôn M, xã Q, huyện X. Đến khoảng năm 1958 cụ Bùi Đức Kh lấy cụ Đoàn Thị O sinh năm 1936 không đăng ký kết hôn, cụ Kh và cụ O sinh được 09 người con: bà Bùi ThịNh, bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị H, ông Bùi Đức H, bà Bùi Thị H, ông Bùi Đức C, bà Bùi Thị Kim Th, bà Bùi Thị Th và ông Bùi Đức Th. Từ khi cụ Kh lấy cụ O hai cụ ở cùng nhau tại thửa đất 1750, còn cụ D ở một mình tại thửa đất 1701. Năm 1992 ba cụ đã cùng nhau thỏa thuận phân chia đất ở và đất ao làm bốn phần nên theo bản đồ 04 năm 1992 toàn bộ diện tích đất trên được thể hiện như sau:

Cụ Bùi Đức Kh đứng tên sử dụng 666 m^2 đất ở tại thửa đất 1750 và 292m^2 đất ao tại thửa 1748; cụ Phan Thị D đứng tên sử dụng 1146m^2 đất ở tại số thửa 1701 và 179m^2 đất ao tại thửa 1702 theo bản đồ Vlap đo năm 2012 là thửa 850 diện tích 1228,5m^2 trong đó có 360m^2 đất ở và 868,5m^2 đất trồng cây lâu năm và thửa 848 diện tích 203,9m^2 đất ao; cụ Đoàn Thị O đứng tên sử dụng 502 m^2 đất ở tại thửa 1752 và 712m^2 đất ao tại thửa 1749; ông Bùi Đức C đứng tên sử dụng 616m^2 đất ở tại thửa 1751.

Về quá trình sử dụng đất: thửa đất do cụ D đứng tên có nhà mái ngói, ôngM xây nhà hai tầng vào năm 2018 khi đó cụ D còn sống, khoảng tháng 4 năm 2022, ông M tự ý phá nhà ngói của cụ D để xây nhà mái bằng, sự việc này gia đình ông đã báo chính quyền địa pH lập biên bản.

Trên thửa đất đứng tên cụ Bùi Đức Kh có nhà thờ và 03 gian nhà mái bằng do cụ Kh xây dựng.

Trên thửa đất 1752 diện tích 502m^2 (T) do cụ Đoàn Thị O đứng tên có nhà mái thái do ông Bùi Đức Th xây dựng vào năm 2019, trên thửa 1749 diện tích 712m^2 (A) đứng tên cụ Đoàn Thị O có ngôi đền xây vào năm bao nhiêu ông không nhớ.

Trên thửa 1751 diện tích 616m^2 (T) đứng tên ông Bùi Đức C trước đây có nhà mái ngói do cụ Kh xây dựng, sau đó ông C sửa chữa, cải tạo thành nhà mái bằng như hiện nay.

Cụ Bùi Đức Kh chết ngày 02/6/2015, cụ Phan Thị D chết ngày 09/10/2018, cụ Đoàn Thị O chết ngày 03/10/2020. Ba cụ không để lại di chúc và nghĩa vụ tài chính gì, sau khi cụ Kh chết, cụ D, cụ O và các con không họp bàn phân chia di sản thừa kế mà chỉ họp gia đình. Lần thứ nhất vào ngày 27/5/2018 khi cụ D và cụ O còn sống, nội dung thể hiện: "thửa đất mang tên mẹ Phan Thị D vẫn để nguyên tên mẹ Phan Thị D nhưng anh Bùi Đức M và Bùi Đức M được toàn quyền sử dụng. Anh Bùi Đức Tr là anh trưởng không đòi hỏi quyền lợi gì trên mảnh đất của mẹ Phan Thị D kể cả khi mẹ mất", nội dung của biên bản này là ông không yêu cầu tài sản trên đất. Đối với biên bản họp lần thứ hai vào ngày 28/9/2019 do ông C giao nộp ông không nhớ có cuộc họp này hay không, chữ ký đúng là của ông nhưng ông không biết ký trong hoàn C nào.

Nguyên đơn xác định thửa đất 850 đứng tên cụ D là tài sản riêng, ông yêu cầu chia di sản cho bốn người con cụ D là ông, ôngM, ông M và bàL.

Ngày 16/11/2022 ông Tr yêu cầu khởi kiện bổ sung chia di sản thừa kế đối với diện tích đất ao (thửa 848) đứng tên cụ D. Ngày 28/02/2023 nguyên đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung chia di sản thừa kế của cụ D và cụ Kh đối với các thửa đất theo bản đồ 04 năm 1992, gồm: thửa 1750 diện tích 666m^2 đất thổ (trừ đi phần đất đã xây dựng nhà thờ và khuôn viên nhà thờ khoảng 360m^2, nếu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan không nhất trí để làm nơi thờ cúng thì chia theo quy định của pháp luật) và thửa 1748 diện tích 292m^2 đất ao đứng tên cụ Bùi Đức Kh; thửa 1751 diện tích 616m^2 đất thổ đứng tên ông Bùi Đức C. Thửa 1752 diện tích 502m^2 đất thổ và thửa 1749 diện tích 712m^2 đất ao đứng tên cụ Đoàn Thị O vì theo nguyên đơn tại biên bản đối chất các đồng thừa kế đều xác định toàn bộ các diện tích đất trên là tài sản chung của cụ Kh với cụ O và cụ D. Đối với các tài sản trên đất ông không yêu cầu chia, ông có nguyện vọng được chia bằng hiện vật để làm nơi thờ cúng, nếu được chấp nhận đối với các tài sản trên đất được chia ông sẽ thanh toán giá trị cho người đã tạo dựng.

Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan là những người trongHng thừa kế của cụ Kh, cụ D, cụ O và người được ủy quyền trình bày về diện,Hng thừa kế như nguyên đơn khai, các cụ không nhận nuôi con nuôi, trước khi chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài chính.

Về nguồn gốc đất tranh chấp đúng như nguyên đơn khai, sau khi cụ Kh lấy cụ O thì cụ D ở một mình tại diện tích đất hiện nay ôngM và ông M đang sử dụng (thửa 1701) còn cụ Kh và cụ O ở cùng nhau tại thửa đất đứng tên cụ Kh (thửa 1750). Khi ba cụ còn sống cụ Kh đã di huấn bằng miệng đất cụ D đứng tên là của ôngM và ông M, đất cụ Kh đứng tên là của ông H còn đất cụ O đứng tên là của ôngTh, đất của ông C đã riêng biệt. Sau khi cụ Kh chết cụ D, cụ O và 13 người con đã họp hai lần, lần thứ nhất vào ngày 27/5/2018 nội dung: "*sau khi nghe anh Bùi Đức Tr đưa ra ý kiến về việc có nên làm sổ đỏ tách phần đất của mẹ Phan Thị D hay không và sau khi nghe ý kiến của các thành viên trong gia đình. Toàn thể các thành viên trong gia đình thống nhất như sau: thửa đất mang tên mẹ Phan Thị D vẫn để nguyên tên mẹ Phan Thị D nhưng anh Bùi Đức M và Bùi Đức M được toàn quyền sử sụng. Anh Bùi Đức Tr là anh trưởng không đòi hỏi quyền lợi gì trên mảnh đất của mẹ Phan Thị D kể cả khi mẹ mất*". Lần thứ hai sau khi cụ D chết, cụ O và 13 người con họp vào ngày 28/9/2019, lập ba biên bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế:

+ Biên bản thứ nhất lập vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 28/9/2019 với nội dung ông Bùi Đức M, Bùi Đức M toàn quyền quản lý và sử dụng 02 thửa đất 848 và 850 tờ bản đồ số 17;

+ Biên bản thứ hai và biên bản thứ ba lập hồi 15 giờ và 16 giờ 30 phút, ngày 28/9/2019 với nội dung: ông Bùi Đức H được toàn quyền sử dụng quản lý đất và sở hữu tài sản trên đất đối với hai thửa đất thửa 1748 và thửa 1750 (theo bản đồ 1992) theo bản đồ Vlap đo năm 2012 lần lượt là thửa 849 và thửa 1033 đứng tên cụ Bùi Đức Kh.

Ông Bùi Đức Th được toàn quyền sử dụng quản lý đất và sở hữu tài sản trên đất đối với hai thửa đất thửa 1749 và thửa 1752 (theo bản đồ 1992).

Ông Bùi Đức C đã được ba cụ thống nhất phân chia đất từ năm 1990 đã làm nhà là thửa đất 1751 theo bản đồ đo đạc năm 1992. Lấy sơ đồ phân định năm 1992 làm cơ sở phân chia đất cho ba ông H, C,Th. Các biên bản trên không có người làm chứng, không được công chứng, chứng thực, các thành viên tham gia đã ký tên, điểm chỉ ở trang cuối biên bản.

Năm 2018 trước khi xây dựng nhà ôngM đã sang trao đổi lúc đó vợ chồng ông Tr vẫn giữ quan điểm không về đất cha ông vì đã có đất riêng và ở ổn định nên ôngM mới xây nhà như hiện nay. Năm 2022 ông M đang xây nhà thì ông Tr đến ngăn cản.

Ngoài ra ông C trình bày thêm về quá trình sử dụng đất: ông là người sống cùng với bố mẹ, năm 1989 ông lấy vợ là Bùi Thị L, năm 1990 vợ chồng ông được bố mẹ tách đất, năm 1991 xây nhà do vậy theo bản đồ 04 năm 1992 ông đã đứng tên chủ sử dụng 616m^2 đất tại số thửa 1751. Năm 1993 thực hiện nghị định 64 ngày 27/9/1993 của Chính phủ, Quyết định số 652 ngày 17/11/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân thì tổng số nhân khẩu của gia đình ông được giao đất nông nghiệp là 3 nhân khẩu gồm vợ chồng ông và con Bùi Văn M, mỗi nhân khẩu được giao 511,2m^2, tổng diện tích được giao là 1533,6m^2. Đến năm 2000 theo quyết định 948 ngày 25/9/2000 của UBND tỉnh Thái Bình gia đình ông được giao thêm một nhân khẩu là con Bùi Thị Kim L, tổng 4 nhân khẩu, mỗi nhân khẩu được giao 118m^2 x 4 = 472m^2. Tổng diện tích đất cơ bản được giao là 2005.6m^2, diện tích đất quy đổi ao thổ là 329,3m^2, diện tích đất giao thông Th lợi là 60m^2, diện tích đất còn lại được giao ngoài đồng là 1616,3m^2. Như vậy diện tích đất nguyên đơn đang yêu cầu chia di sản thừa kế nguồn gốc là của cha mẹ ông cho nhưng sau khi thực hiện chính sách đất đai thì đây là diện tích đất ông được nhà nước giao (do quy đổi để trừ đi diện tích đất ruộng). Chính vì vậy mà trong biên bản họp phân chia di sản thừa kế ngày 28/9/2019 cụ Đoàn Thị O và 13 anh em trong gia đình chỉ thống nhất phân chia các thửa đất mang tên của cụ Kh, cụ O và cụ D còn diện tích đất mang tên ông các anh em đều mặc định là của ông. UBND xã Quang Trung xác nhận ông là người nộp thuế đối với diện tích đất trên từ trước đến nay.

Ông Bùi Đức H trình bày thêm: đối với thửa đất 1750 diện tích 666m^2 đất thổ và thửa 1748 diện tích 292m^2 đất ao đứng tên cụ Bùi Đức Kh: theo như biên bản họp gia đình thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 28/9/2019 đã thống nhất giao cho ông có toàn quyền quản lý, sử dụng. Trên diện tích đất này có 3 gian nhà thờ lợp ngói mũi làm năm 2006 do cụ Kh, cụ O và các anh em đóng góp để xây dựng. Và 4 gian nhà mái bằng do ông xây dựng vào năm 1986 khi đó cụ Kh và cụ O còn sống và ở cùng với ông, đã qua hai lần sửa chữa là năm 2009 và 2019. Toàn bộ quá trình sử dụng, xây dựng diễn ra công khai từ rất lâu nhưng không ai có ý kiến gì.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là những người trongHng thừa kế không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguyên đơn đã thống nhất họp thỏa thuận phân chia di sản như các biên bản nêu trên. Ông Tr thiếu trách nhiệm với bố mẹ khi còn sống và lo ma chay khi bố mẹ qua đời nên không có

quyền hưởng di sản. Nếu theo quy định của pháp luật các ông, bà được hưởng di sản của cụ D, cụ Kh thì các ông, bà nhường toàn bộ phần của mình cho ôngM, ông M, ông H, ôngTh như nội dung các biên bản họp nêu trên. Đối với di sản của cụ O nằm trong khối tài sản chung với cụ Kh bàNh, bàT, bà Th, bà H, bà H, ông C, bà Th nhường quyền cho ông H và ôngTh được hưởng theo như biên bản họp phân chia di sản thừa kế ngày 28/9/2019.

Ngày 02/02/2023 bị đơn ông Bùi Đức M có yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ quyền sử dụng đất mà mẹ ông là cụ Phan Thị D có đối với thửa đất 848, 850 đã được mẹ ông tặng cho ông và ông Bùi Đức M; Đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ di sản thừa kế của cha ông là cụ Bùi Đức Kh và mẹ ông là cụ Phan Thị D, cụ Đoàn Thị O xác định đối với thửa đất số 848 đã được ông Bùi Đức Tr và những người thừa kế hợp pháp của cha mẹ ông tặng cho ông và ông Bùi Đức M.

Ngày 27/02/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Bùi Đức M có yêu cầu độc lập: đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ quyền sử dụng đất mà mẹ ông là cụ Phan Thị D đứng tên đối với thửa đất 848, 850 là của ông và ông Bùi Đức M vì đã được mẹ ông tặng cho ông và ông Bùi Đức M; đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ di sản thừa kế của bố mẹ ông là cụ Bùi Đức Kh và cụ Phan Thị D, cụ Đoàn Thị O xác định đối với thửa đất số 848, 850 đã được ông Bùi Đức Tr và những người thừa kế hợp pháp của cha mẹ ông tặng cho ông và ông Bùi Đức M.

Ngày 12/6/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ L quan là ông Bùi Đức C, ông Bùi Đức H và ông Bùi Đức Th có yêu cầu độc lập, cụ thể:

- Ông Bùi Đức C đề nghị Tòa án công nhận thửa đất 1751 diện tích 616m^2 (T) đất thổ theo bản đồ 04 đo năm 1992 tại thôn M, xã Q, huyện X thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông, có nguồn gốc được cụ Bùi Đức Kh và cụ Đoàn Thị O giao cho từ khi các cụ còn sống.

- Ông Bùi Đức H đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1750 diện tích 665 m^2 (T) đất thổ và thửa 1748 diện tích 292 m^2 (A) đất ao bản đồ 04 đo năm 1992 tại thôn M, xã Q, huyện X mang tên cụ Bùi Đức Kh thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông theo biên bản họp gia đình thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 28/9/2019.

- Ông Bùi Đức Th đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1752 diện tích 502 m^2 (T) đất thổ và thửa 1749 diện tích 712 m^2 (A) đất ao bản đồ 04

đo năm 1992 tại thôn M, xã Q, huyện X mang tên cụ Đoàn Thị O thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông theo biên bản họp gia đình thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 28/9/2019. Ông C, ông H, ôngTh đều không biết lý do vì sao theo bản đồ Vlap lại gộp đất của ông C và cụ O để tách thành ba thửa để chia theo chiều Đông - Tây, các ông đề nghị căn cứ bản đồ 04 để giải quyết.

Nếu Tòa án phân chia di sản như hiện trạng các ông sử dụng hiện nay thì ôngM, ông M, ông C, ông H, ôngTh đều không yêu cầu giải quyết đối với các tài sản do các ông đã xây dựng mà do các ông tự thỏa thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan bà H và bà P nhất trí với ý kiến của ông M và ôngM, tại phiên tòa bà P đề nghị nếu Tòa án chia di sản thì phải xem xét công sức quản lý di sản cho vợ chồng bà.

Nguyên đơn không nhất trí với yêu cầu phản tố, các yêu cầu độc lập nêu trên vì theo biên bản ngày 27/5/2018 thì nội dung là giao cho ôngM và ông M có toàn quyền sử dụng tài sản trên đất kể cả khi mẹ D mất mà không phải là quyền sử dụng đất; đối với các biên bản họp ngày 28/9/2019 không hợp lệ theo quy định của pháp luật, không có chữ ký cuối các trang nên có thể thay đổi nội dung tùy ý.

Kết quả xác minh tại UBND xã Quang Trung: về quá trình chung sống của cụ Kh, cụ D, Cụ Oanh, diện vàHng thừa kế như các đương sự trình bày.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: theo bản đồ 299 năm 1986 tại UBND xã chỉ lưu bản đồ, không có sổ mục kê gồm các thửa đất: thửa 22 diện tích 913 m^2 (T), thửa 23 diện tích 930 m^2 (T), thửa 24 diện tích 444m^2 (A), một phần thửa 21 diện tích 1200 m^2.

Theo bản đồ 04 năm 1992 các thửa đất trên được thể hiện: cụ Kh đứng tên sử dụng thửa 1750 diện tích 665 m^2 đất thổ và thửa 1748 diện tích 292m^2 đất ao (theo bản đồ 299 là thửa 24); cụ Rậu đứng tên sử dụng thửa 1701 diện tích 1146m^2 đất thổ và thửa 1702 diện tích 179m^2 đất ao; cụ O đứng tên sử dụng thửa 1752 diện tích 502 m^2 đất thổ và thửa 1749 diện tích 712m^2 đất ao; ông Bùi Đức C đứng tên sử dụng thửa 1751 diện tích 616m^2 đất thổ. Tại UBND xã không có tài liệu nào thể hiện việc cụ Kh đề nghị tách đất cho cụ D, cụ Oanh, ông C như trên mà UBND xã căn cứ vào bản đồ địa chính và sổ mục kê cung cấp cho Tòa án, lý do biến động về loại đất là thực hiện chính sách đất đai, theo quy định của UBND tỉnh Thái Bình đất ở mỗi hộ không được giao vượt mức tối đa 360 m^2, diện tích thay đổi là do sai số khi đo đạc.

Thực hiện nghị định 64 ngày 27/9/1993 của Chính Phủ, Quyết định số 652 ngày 17/11/1993 của UBND tỉnh Thái Bình về việc giao đất nông nghiệp (sau đây viết tắt là Quyết định 652) tại xã Quang Trung, mỗi nhân khẩu được giao 511,2m^2, cụ thể hộ gia đình cụ Bùi Đức Kh gồm 3 nhân khẩu: là cụ Kh, cụ Đoàn Thị O (vợ cụ Kh) và ông Bùi Đức Th (con cụ Kh) được giao tổng diện tích 1533,6 m^2.

Hộ gia đình ông Bùi Đức C gồm 3 nhân khẩu là ông Bùi Đức C, bà Bùi Thị L (vợ ông C) và Bùi Đức M (con ông C) được giao tổng diện tích 1533,6m^2.

Hộ cụ Phan Thị D (Rậu) có 01 nhân khẩu được giao 511,2m^2.

Về việc quy đổi đất ao, đất vườn: hệ số quy đổi 1m^2 đất ruộng =1,5m^2 đất vườn = 2,2m^2 đất ao. Theo đó cụ Kh: diện tích đất vườn quy đổi là 305m^2 :1,5=203m^2 , diện tích đất ao quy đổi là 292m^2 : 2,2 =132,7m^2. Cụ D: diện tích đất vườn quy đổi là 786 m^2 :1,5= 524m^2 , diện tích đất ao quy đổi là 179 m^2 : 2,2 =81 m^2. Cụ Oanh: diện tích đất vườn quy đổi là 142 m^2 :1,5= 94,6 m^2, diện tích đất ao quy đổi là 712 m^2 : 2,2 = 323,6 m^2.

Thực hiện Quyết định số 948 ngày 25/9/2000 của UBND tỉnh Thái Bình về việc giải quyết những thiếu sót, tồn tại trong quản lý, sử dụng đất vào xây dựng cơ bản, làm nhà ở, điều chỉnh việc giao đất nông nghiệp (sau đây viết tắt là Quyết định 948), mỗi nhân khẩu được giao thêm 118m^2, cụ thể: hộ gia đình cụ Bùi Đức Kh gồm 2 nhân khẩu: là cụ Kh, cụ Đoàn Thị O được giao 236m^2; hộ gia đình ông Bùi Đức C gồm 4 nhân khẩu là ông Bùi Đức C, bà Bùi Thị L (vợ ông C), hai con là Bùi Đức M và Bùi Thị Kim L được giao tổng diện tích 472m^2; hộ cụ Phan Thị D (Rậu) có 01 nhân khẩu được giao 118m^2.

Theo bản đồ Vlap: Cụ Bùi Đức Kh đứng tên hai thửa đất: thửa 1033 diện tích 656,7m^2 trong đó có 360m^2 đất ở và 296,7 m^2 đất trồng cây lâu năm và thửa 849 diện tích 272,8m^2.

+ Cụ Phan Thị Rậu đứng tên hai thửa đất là thửa 850 diện tích 1228,5m^2 trong đó có 360m^2 đất ở và 868,5m^2 đất trồng cây lâu năm và thửa 848 diện tích 203,9m^2 đất ao.

+ Cụ Đoàn Thị O đứng tên thửa 851 diện tích 597,6 m^2 đất (TIN)

+ Ông Bùi Đức Th đứng tên thửa đất 1034 diện tích 340,2m^2 trong đó có 240m^2 đất ở và 100,2m^2 đất trồng cây lâu năm.

+ Ông Bùi Đức H đứng tên thửa đất 1035 diện tích 317,9m^2 trong đó có 240m^2 đất ở và 77,9m^2 đất trồng cây lâu năm.

+ Ông Bùi Đức C đứng tên thửa đất số 1036, diện tích 586,9m^2 trong đó có 240 m^2 đất ở và 346,9m^2 đất trồng cây lâu năm.

Lý do của sự biến động về hình thể thửa đất 1751 và 1752 theo bản đồ 04 chia theo chiều Bắc - Nam, theo bản đồ Vlap gộp hai thửa chia theo chiều Đông - Tây nhưng trên thực tế xây dựng không có sự thay đổi mà vẫn theo bản đồ 04.

Kết quả xác minh tại phòng tài nguyên và môi trường huyện Kiến Xương: không xác định được vị trí cụ thể của từng loại đất đối với các thửa đất đang tranh chấp.

Kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản:

1. Thửa 850 đứng tên cụ Phan Thị D do ông Bùi Đức M và Bùi Đức M đang quản lý, sử dụng, có diện tích 1160m^2 trong đó có 360m^2 đất ở và 800m^2 đất trồng cây lâu năm, đất có tứ cận: phía Bắc giáp ruộng dài 39,53m, phía Nam giáp thửa 848 và 849 dài 33,78m, phía Tây giáp đất cụ Kh dài 55,21m, phía Đông giáp ngõ thôn dài 42,54m. Trên đất có các tài sản sau:

Tài sản do ôngM tạo lập gồm: nhà 114,2m^2 giá 950.000.000 đồng, mái tôn sau nhà giá 10.414.600 đồng, lán xe giá 7.674.000 đồng, chuồng nuôi diện tích 30,4m^2 giá 37.111.750 đồng, tường bao phía Nam, tường hai bên lối vào dài 61 m giá 13.150.000 đồng, tường bao phía Bắc xây năm 1992 hết khấu hao, tường bao phía Đông dài 48,38m giá 7.880.000 đồng, lối vào 54,1m^2 giá 5.439.500 đồng, hai cánh cổng có giá 50.625.000 đồng.

Cây trước nhà: H hồng 01 cây giá 250.000 đồng, tùng la hán 08 cây x 106.500 đồng/ cây = 852.000 đồng, đối với các cây trồng trong chậu, giỏ đương sự không yêu cầu định giá.

Vườn sau nhà ôngM: ổi 02 cây x 120.000 đồng/cây = 240.000 đồng, bưởi 04 cây x 300.000 đồng/cây = 1.200.000 đồng, chay 01 cây giá 350.000 đồng, hồng xiêm 01 cây giá giá 350.000 đồng, mít 01 cây giá 350.000 đồng, sưa 4 cây x 701.000 đồng/cây = 2.804.000 đồng, sấu 2 cây x 207.000 đồng/cây = 414.000 đồng, H giấy 01 cây giá 120.000 đồng, xoài 01 cây giá 700.000 đồng, tùng la hán 03 cây x 106.500 đồng/cây = 319.500 đồng, đối với cây H màu và cây nhỏ đang ươm không định giá.

Tài sản do ông M tạo lập: nhà 120,1m^2 giá 1.200.433.000 đồng, mái tôn phía sau nhà (phía Bắc) diện tích 27,3m^2 giá 16.444.000 đồng, tường bao ngăn cách giữa

nhà và vườn dài 4,76m giá 1.222.000 đồng, sưa 02 cây x 701.000 đồng/cây = 1.402.000 đồng.

Vườn phía sau nhà: sưa 01 cây giá 701.000 đồng, bể nước 10m^3 giá 7.561.000 đồng. Các loại cây H màu, cây đang ươm không định giá.

Sân gạch phía trước, phía sau nhà ôngM + ông M tổng diện tích 390m^2 giá 54.926.000 đồng.

Tường bao phía sau vườn ngăn cách giữa nhà ôngM và ông M (do ôngM làm) dài 16,72m giá 3.410.000 đồng.

Hàng rào B40 giáp đất cụ Kh dài 20m giá 11.928.000 đồng.

2. Thửa 848 (ao) đã được ôngM lấp một phần làm lối đi chung vào năm 2018 có diện tích 54,1m^2; diện tích đất ao còn lại 138,7m^2 có tứ cận: phía Bắc giáp thửa 850 dài 9,73 m, phía Nam giáp đường trục thôn dài 7,16m, phía Tây giáp lối đi chung vào nhà ôngM và ông M dài 13,8m, phía Đông giáp ngõ thôn dài 13,95m. Ven bờ ao phía Nam có 02 cây H hồng giá 250.000 đồng.

3. Thửa đất đứng tên cụ Bùi Đức Kh theo bản đồ 04 năm 1992 gồm:

3.1. Thửa 1750 có diện tích 711,2m^2 trong đó có 360m^2 đất ở và 351,2 m^2 đất trồng cây lâu năm, đất có tứ cận: phía Nam giáp đường trục thôn và ao cụ Kh dài 16,66m, phía Bắc giáp ruộng dài 16,7m, phía Đông giáp đất cụ Rậu (thửa 1701) dài 43,63m, phía Tây giáp đất ông Bùi Đức C (thửa 1751) dài 43,62m. Trên đất có: nhà mái bằng hai tầng diện tích 80,8 m^2 giá 134.461.800đồng, sân gạch 69,9m^2 giá 1.945.350 đồng, nhà thờ cây trước nhà thờ các đương sự không yêu cầu định giá; vườn sau nhà có 01 cây hồng xiêm giá 800.000 đồng, 04 cây sưa x 701.000 đồng/cây = 2.804.000 đồng, 01 cây xoài giá 1.200.000 đồng.

3.2. Thửa đất 1748 diện tích 341,6m^2 đất ao, có tứ cận: phía Nam giáp đường trục thôn dài 20,68m, phía Bắc giáp đất cụ Rậu dài 20,57m, phía Đông giáp lối đi vào thửa đất cụ Rậu dài 14,19m, phía Tây giáp lối đi chung vào các thửa 1750,1751, 1752 dài 18,26m, xung quanh ao đã xây bờ bao.

4. Theo bản đồ 04 năm 1992 cụ O đứng tên hai thửa đất là 1749 và 1752, ông C đứng tên thửa đất 1751 chia theo chiều Bắc -Nam, theo bản đồ Vlap thửa 1751 và 1752 được tách thành các thửa 1034, 1035 và 1036 chia theo chiều Đông - Tây. Qua xem xét hiện trạng xây dựng, không có sự thay đổi mà các thửa đất trên vẫn theo bản đồ 04.

Thửa 1751 đứng tên ông Bùi Đức C diện tích 629,2m^2 trong đó có 360 m^2 đất ở và 269,2m^2 đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: phía Nam giáp ngõ đi vào thửa đất cụ O dài 15m, phía Bắc giáp ruộng dài 14m, phía Đông giáp đất cụ Kh dài 43,62m, phía Tây giáp đất cụ O (thửa 1752) dài 43,49 m. Trên đất có các tài sản: nhà mái bằng 37,2m^2 giá 27.140.000 đồng, mái tôn 74,5m^2 giá 13.462.000 đồng, bếp 17,5m^2 giá 6.794.000 đồng, mái tôn trước bếp 63,3m^2 giá 22.877.000 đồng.

Cây trước nhà: 01 cây dừa giá 600.000 đồng, 01 cây xoài giá 1.500.000 đồng, 01 cây nhãn giá 1.500.000 đồng, 01 cây sung giá 500.000 đồng, 03 cây hồng x 250.000 đồng/ cây = 750.000 đồng, 01 cây khế giá 800.000 đồng, 01 cây mít giá 1.200.000 đồng.

Cây phía sau nhà: 01 cây vú sữa giá 1.200.000 đồng, 03 cây mít to x 1.200.000 đồng/cây = 3.600.000 đồng, 30 cây mít nhỏ x 700.000 đồng/cây = 21.000.000 đồng, 01 cây xoài giá 1.500.000 đồng, 03 cây bưởi x 300.000 đồng/cây = 900.000 đồng.

Giáp đất cụ Oanh: 01 cây bưởi giá 600.000 đồng, 01 cây chanh giá 400.000 đồng.

5. Thửa đất đứng tên cụ Đoàn Thị O theo bản đồ 04 năm 1992 gồm:

5.1. Thửa 1752 diện tích 565,9m^2 trong đó có 360m^2 đất ở và 205,9m^2 đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: phía Nam giáp ao cụ O (thửa 1749) dài 12,52m, phía Bắc giáp ruộng dài 12,6 m, phía Đông giáp đất ông C và ngõ đi dài 45,49m, phía Tây giáp đất bà Lê Thị Lệ dài 46,56 m. Trên đất có nhà do ôngTh xây dựng năm 2019 diện tích 153,1m^2 giá 1.209.407.000 đồng.

5.2. Thửa 1749 diện tích 590,8m^2 trong đó có 264,3m^2 ao, 326,5m^2 đất đã được san lấp thành vườn và xây đền Hoàng làng vào năm 2010, có tứ cận: phía Nam giáp đường trục thôn dài 33,45m, phía Bắc giáp đất ông C và cụ O dài 29,73m, phía Đông giáp lối đi chung vào các thửa 1750,1751, 1752 dài 14,79m, phía Tây giáp đất bà Lê Thị Lệ dài 21,62m.

Cây trước Đền: 01 cây lộc vừng giá 951.000 đồng; cây sau Đền: 02 cây mai x 400.000 đồng = 800.000 đồng, 0 cây hồng x 250.000 đồng/cây = 500.000 đồng, 04 cây tùng to x 343.000 đồng/cây = 1.373.000 đồng, 06 cây tùng nhỏ x 106.500 đồng/cây = 639.000 đồng, tre ngà 60.000 đồng. Cây trồng trên chậu các đương sự không đề nghị định giá.

Giá đất: đất ở 600.00 đồng/m^2, đất ao 42.000 đồng/m^2, đất trồng cây lâu năm 45.000 đồng/m^2. Các đương sự không có ý kiến gì về kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Người làm chứng ông Đào Văn H trình bày: năm 1986 ông nhận xây nhà cho ông Bùi Đức H, xây trên đất cụ Bùi Đức Kh. Ông H là người trông coi, mua vật liệu và trả tiền công cho ông, quá trình xây dựng ông Tr thỉnh thoảng sang chơi, không có ý kiến hay tranh chấp gì.

Người làm chứng ông Bùi Văn T trình bày: năm 1991 ông có nhận xây dựng nhà cho ông C, với tổng giá trị xây dựng khoảng 30.000.000 đồng.

Người làm chứng ông Bùi Văn Đ trình bày: năm 1993 ông C có thuê ông phá bờ tre, xây D xung quanh thổ cho ông C và ông H. Năm 2009 ông H thuê ông xây mới 01 gian nhà, công trình vệ sinh và sửa lại nhà cho ông H tại đất của cụ Bùi Đức Kh, năm 2014 ông C và ông H thuê ông làm mái tôn, đổ sân bê tông. Ông C và ông H là người trả tiền công cho ông, quá trình làm các công việc trên ông Tr thỉnh thoảng sang chơi, vui vẻ không có ý kiến gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn vì biên bản họp ngày 27/5/2018 không phải là văn bản từ chối hưởng di sản thừa kế của ông Tr, nội dung thể hiện đất của cụ D vẫn để tên cụ D; biên bản ngày 28/9/2019 không tuân thủ về hình thức và thủ tục theo quy định của pháp luật. Áp dụng án lệ số 41 ngày 23 tháng 02 năm 2021 xác định thửa đất số 848 và 850 là tài sản riêng của cụ D để chia thừa kế cho 04 người và có nguyện vọng được hưởng di sản bằng hiện vật là thửa đất ao. Đối với các thửa đất 1748,1749,1750,1751,1752 đề nghị chia theo quy định của pháp luật và chia bằng hiện vật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn vì nguyên đơn đã từ chối hưởng di sản theo biên bản ngày 27/5/2018 và cùng thỏa thuận phân chia di sản theo các biên bản ngày 28/9/2019. Bị đơn nhất trí với ý kiến của Luật sư.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan trình bày: đối với thửa đất 1751 đứng tên ông C đã được các cụ tặng cho khi còn sống, được các bên thừa nhận, quá trình thực hiện chính sách đất đai theo quy

định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã bị trừ diện tích đất ruộng vào đất vườn trong thửa đất trên nên thửa đất này không còn là di sản mà thuộc quyền sử dụng của ông C nên đề nghị chấp nhận yêu cầu độc lập của ông C.

Đối với các thửa đất đứng tên cụ Kh, cụ D và cụ O đã được cụ D, cụ O và những người thừa kế thỏa thuận thống nhất phân chia theo bốn biên bản nêu trên, ông Tr không thừa nhận ba biên bản ngày 28/9/2019 nhưng thừa nhận chữ ký ở trang cuối của biên bản, mặt khác qua tài liệu ghi âm do bà P xuất trình tại phiên tòa khẳng định ông Tr có tham gia cuộc họp. Việc lập ba biên bản cùng ngày là do cụ O muốn mỗi thửa đất có biên bản riêng biệt cho thuận tiện trong việc làm thủ tục. Vì vậy đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông C, ông H, ôngTh và ôngM. Các đương sự được luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nhất trí, không có ý kiến bổ sung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền, thụ lý vụ án, tư cách tố tụng, quá trình thu thập chứng cứ, các thủ tục tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng, về việc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71,72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị áp dụng các điều 117, 149, 503, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự; Điều 167, 188 Luật đất đai:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản của cụ D là thửa đất 848 và 850 cho ông Tr, ôngM, ông M và bàL. BàL nhường quyền hưởng di sản cho ôngM và ông M nên mỗi người được hưởng 1,5 suất. Chia cho ông Tr được hưởng diện tích đất phía sau nhà ôngM và ông M, nếu diện tích đất ông Tr được hưởng nhiều hơn so với 1 suất thừa kế thì thanh toán giá trị cho những người khác. Chia cho ôngM và ông M được hưởng di sản là diện tích đất đã xây dựng và đất ao, đối với diện tích đất ao ông M có trách nhiệm thanh toán giá trị cho ông M và ông Tr.

Đối với thửa đất đứng tên ông Bùi Đức C đã được bố mẹ tặng cho, ông C đứng tên theo bản đồ 04 năm 1992, đã được quy đổi diện tích đất ruộng khi thực hiện chính sách đất đai và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nên không phải là di sản mà thuộc quyền sử dụng của ông C.

Đối với các thửa đất đứng tên cụ O và cụ Kh là tài sản chung của hai cụ, riêng đối với diện tích đất ao và vườn của cụ O là tài sản riêng của cụ O do đã quy đổi diện tích đất ruộng theo tiêu chuẩn. Các đồng thừa kế đều nhường quyền hưởng di sản cho ông H và ôngTh nên đề nghị chia cho ông H được quyền sử dụng các thửa đất đứng tên cụ Kh, chia cho ôngTh được quyền sử dụng các thửa đất đứng tên cụ Oanh. Ông H và ôngTh mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông Tr 1/2 suất thừa kế ông Tr được hưởng.

Về chi phí tố tụng và án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*:

[1] Ông Bùi Đức Tr yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các thửa đất tại xã Quang Trung, huyện Kiến Xương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình là đúng với quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối tượng tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiếnHnh thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*:

[3] Về thời hiệu khởi kiện: cụ Bùi Đức Kh chết năm 2015, cụ Phan Thị R (D) chết năm 2018, cụ Đoàn Thị O chết năm 2020, năm 2022 ông Tr khởi kiện chia di sản thừa kế là nằm trong thời hiệu theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự.

[4] VềHng thừa kế: các đương sự đều khai cụ D, cụ Kh, cụ O không nhận nuôi con nuôi. Do vậy xác địnhHng thừa kế của cụ D gồm: ông Tr, ôngM, ông M, bàL;Hng thừa kế của cụ Kh gồm: ông Tr, ôngM, ông M, bàL, bàNh, bàT, bà Th, bà H, ông H, bà H, ông C, bà Th và ôngTh;Hng thừa kế của cụ O gồm: bàNh, bàT, bà Th, bà H, ông H, bà H, ông C, bà Th và ôngTh.

[5] Về quyền hưởng di sản: bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan trongHng thừa kế của cụ Kh và cụ D đề nghị Tòa án xem xét quyền hưởng di sản của ông Tr do ông thiếu trách nhiệm chăm sóc các cụ khi còn sống, lo ma chay cúng giỗ. Tuy nhiên đối chiếu quy định tại Điều 621 Bộ luật dân sự về những người không được hưởng di sản thì ông Tr không thuộc trường hợp nào quy định tại điều này. Do vậy ông Tr có quyền được hưởng di sản theo quy định của pháp luật. Do các cụ chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ tài chính, các thừa kế không yêu cầu giải quyết đối với số tiền mai tang phí nên toàn bộ di sản sẽ chia đều, mỗi người ởHng thừa kế thứ nhất được hưởng một suất bằng nhau theo quy định tại Điều 675, Điều 676 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về xác định di sản:

[6.1] Di sản của cụ D: cụ D chung sống với cụ Kh từ năm 1953 không đăng ký kết hôn, đến năm 1958 cụ Kh chung sống với cụ Oanh, không đăng ký kết hôn. Sau đó cụ Rậu ở riêng tại thửa đất 1701, còn cụ Kh và cụ O ở cùng nhau tại thửa đất 1750 cho đến khi các cụ qua đời. Như vậy áp dụng án lệ số 41/2021/AL về chấm dứt hôn nhân thực tế được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 23 tháng 02 năm 2021 và được công bố theo Quyết định số 42/QĐ-CA ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với tình huống pháp lý nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nhưng sau đó họ không còn chung sống với nhau và trước khi Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực, có người chung sống với nhau như vợ chồng với người khác. Quan hệ hôn nhân đầu tiên và quan hệ hôn nhân thứ hai đều là hôn nhân thực tế; Giải pháp pháp lý trong trường hợp này, phải xác định hôn nhân thực tế đầu tiên đã chấm dứt. Do cụ Kh không còn chung sống với cụ D từ trước năm 1986 nên xác định quan hệ hôn nhân giữa cụ Tr và cụ D đã chấm dứt, không còn nghĩa vụ gì với nhau. Điều này cũng phù hợp với chứng cứ thực tế đó là tại sổ nhân khẩu năm 1993 được lưu tại UBND xã Quang Trung để chia ruộng theo Quyết định 652, thì tại số thứ tự 77 hộ cụ Bùi Đức Kh gồm cụ Kh, cụ O và ôngTh còn hộ cụ Phan Thị D có một nhân khẩu. Do vậy mà thửa đất 1701 và 1702 theo bản đồ 04 năm 1992 thuộc quyền sử dụng của cụ D.

[6.2] Đối với thửa đất 1751 do ông Bùi Đức C đứng tên theo bản đồ 04 năm 1992: trong đơn khởi kiện ngày 17/9/2022, ông Tr thừa nhận năm 1992 ba cụ đã cho ông C, những người thừa kế còn lại đều khẳng định thửa đất trên ông C đã được bố mẹ

cho từ năm 1991, sử dụng ổn định từ đó đến nay. Như vậy việc ông C được bố mẹ cho đất và đứng tên chủ sử dụng đất theo bản đồ 04 từ năm 1992 được các bên thừa nhận, ông C sử dụng ổn định và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất. Chính vì vậy khi thực hiện các Quyết định 652 và Quyết định 948 về đất đai của UBND tỉnh Thái Bình, hộ gia đình ông C đã bị trừ diện tích đất ngoài đồng (đất ruộng) vào diện tích đất vườn nằm trong thửa đất 1751. Vì vậy có đủ căn cứ kết luận thửa đất 1751 thuộc quyền sử dụng của gia đình ông C, không phải là di sản thừa kế. Do vậy chấp nhận yêu cầu độc lập của ông C, xác định thửa đất 1751 theo bản đồ 04 năm 1992 có số đo các cạnh như trên thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Bùi Đức C.

[6.3] Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới. Vì vậy sau khi trừ diện tích đất trồng cây lâu năm và đất ao đứng tên cụ O do đã được quy đổi từ diện tích đất ruộng của cụ O được giao theo tiêu chuẩn thuộc quyền sử dụng riêng của cụ Oanh, còn lại diện tích đất thuộc thửa 1748 và 1750 đứng tên cụ Bùi Đức Kh, một phần thửa 1752 là tài sản chung của cụ Kh và cụ Oanh, không phải là tài sản chung của cụ Kh, cụ D và cụ O như ý kiến của nguyên đơn.

[7] Xét các biên bản họp gia đình về việc phân chia di sản: Biên bản ngày 27/5/2018 họp khi cụ D, cụ O còn sống nội dung bàn về việc làm "sổ đỏ" đối với diện tích đất do cụ D đứng tên và việc quản lý, sử dụng đất. Nguyên đơn cho rằng nội dung biên bản là giao cho ôngM và ông M toàn quyền sử dụng tài sản trên đất kể cả khi cụ D mất, còn theo bị đơn và người có quyền lợi, L quan thì theo biên bản này ôngM và ông M có toàn quyền sử dụng đất, kể cả khi cụ D mất. Biên bản được lập khi cụ D còn sống nên không phải là văn bản từ chối nhận di sản của ông Tr theo Điều 612 Bộ luật dân sự, nội dung thể hiện không phải là di chúc của cụ D mà là thỏa thuận của các thành viên trong gia đình đối với quyền sử dụng diện tích đất này. Ngày 28/9/2019 cụ O và 13 người con lập ba biên bản thỏa thuận phân chi di sản thừa kế như đã nêu trên. Nguyên đơn không thừa nhận nội dung trong biên bản vì không ký "nháy" ở cuối các trang nên nội dung có thể thay đổi, thừa nhận chữ ký của ông ở trang cuối. Theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự và điều 167 Luật đất đai thì các biên bản trên không có hiệu lực vì không tuân thủ về hình thức. Mặt khác theo quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai và Điều 503 Bộ luật dân sự thì việc chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký theo quy định của Luật đất đai. Do vậy biên bản ngày

27/5/2018 và ba biên bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đều ghi ngày 28/9/2019 không có hiệu lực nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với các bên. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Bùi Đức M, không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Bùi Đức M về việc hai ông có quyền sử dụng hai thửa đất đứng tên cụ D do đã được cụ D và những người thừa kế hợp pháp của cụ D và cụ Kh tặng cho.

[8] Phân chia di sản thừa kế của cụ Phan Thị D:

[8.1] Thửa 850 diện tích 1160m^2 trong đó có 360m^2 đất ở và 800m^2 đất trồng cây lâu năm và thửa 848 (ao) đã được ôngM lấp một phần làm lối đi chung có diện tích 54,1m^2, diện tích đất ao còn lại 138,7m^2. Di sản được chia đều cho 4 người là ông Tr, ôngM, ông M và bàL; bàL nhường quyền hưởng di sản cho ôngM và ông M nên ôngM và ông M mỗi người được hưởng 1,5 suất, mỗi suất thừa kế được chia 90m^2 đất ở , 200m^2 đất trồng cây lâu năm và 48,2m^2 đất ao. Như vậy ôngM và ông M mỗi người được chia 135m^2 đất ở, 300m^2 đất trồng cây lâu năm và 72,3m^2 đất ao có giá trị là 97.536.000 đồng; ông Tr được chia 90m^2 đất ở, 200m^2 đất trồng cây lâu năm và 48,2m^2 đất ao có giá trị là 65.024.000 đồng. Đối với yêu cầu tính công sức quản lý di sản của bà P, tại phiên tòa ôngM khai ông và bà P công tác tại huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2018 về làm nhà, năm 2020 nghỉ chế độ, tài sản do cụ D quản lý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà P.

[8.2] Do không xác định được vị trí của từng loại đất, căn cứ vào hiện trạng tài sản, nhu cầu sử dụng đất của nguyên đơn, chia bằng hiện vật cụ thể như sau:

[8.2.1] Chia cho ông Bùi Đức Tr được quyền sử dụng 312,7m^2 đất phía sau nhà ôngM và ông M trong đó có 90 m^2 đất ở và 222,7 m^2 đất trồng cây lâu năm, đất có tứ cận như sau: phía Bắc giáp ruộng dài 39,53m, phía Nam giáp đất chia cho ôngM và ông M và ngõ thôn dài 12 m + 16,9 m + 0,06 m + 10,87m, phía Tây giáp đất chia cho ông H dài 9,14 m, phía Đông giáp ngõ thôn dài 8,16 m (có sơ đồ kèm theo). Ông Tr được quyền sở hữu chuồng nuôi, tường bao phía Đông, tường ngăn cách phía sau giữa nhà ôngM và ông M nhưng có trách nhiệm thanh toán cho ôngM và bà P số tiền là 42.052.000 đồng, ông Tr được quyền sở hữu bể nước nhưng có trách nhiệm thanh toán cho ông M và bà H số tiền là 7.561.000 đồng. ÔngM, bà P và ông M, bà H có nghĩa vụ di dời toàn bộ cây trồng trên diện tích đất ông Tr được chia.

[8.2.2] Chia cho ông Bùi Đức M được quyền sử dụng 442,4 m^2 đất trong đó có 135 m^2 đất ở và 307,4 m^2 đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: phía Bắc giáp đất chia cho ông Tr dài 16,75 m, phía Nam giáp ao chia cho ôngM và lối đi chung dài 11,39m , phía Tây giáp đất chia cho ông M dài 34,14m, phía Đông giáp ngõ thôn dài 34,44 m. Và toàn bộ diện tích đất ao 138,7m^2 có tứ cận: phía Bắc giáp đất ôngM được chia dài 11,39m, phía Nam giáp đường thôn dài 7,16m, phía Tây giáp lối đi chung dài 16,21m, phía Đông giáp ngõ thôn dài 13,8m và diện tích lối đi chung với ông M 54,1m^2, (có sơ đồ kèm theo). ÔngM và bà P được quyền sở hữu nhà và các tài sản khác trên đất được chia.

[8.2.3] Chia cho cho ông Bùi Đức M được quyền sử dụng 404,9 m^2 đất trong đó có 135 m^2 đất ở và 269,9 m^2 đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: phía Bắc giáp đất chia cho ông Tr dài 12m , phía Nam giáp ao chia cho ông H và lối đi chung dài 11,66 m, phía Tây giáp đất chia cho ông H dài 34,49m , phía Đông giáp đất chia cho ôngM dài 34,14m. Và diện tích đất ao đã được lấp làm ngõ đi chung với ôngM 54,1m^2, (có sơ đồ kèm theo). Ông M và bà H được quyền sở hữu nhà và các tài sản khác trên đất được chia.

[8.2.4] Diện tích đất trồng cây lâu năm ông M được chia còn thiếu là 30,1m^2, do ông Tr có trách nhiệm thanh toán giá trị 22,7 m^2 là 1.022.000 đồng và ôngM có trách nhiệm thanh toán giá trị 7,4 m^2 là 333.000 đồng.

ÔngM có trách nhiệm: thanh toán cho ông Tr giá trị của 48,2m^2 đất ao là 2.024.000 đồng, đối trừ số tiền ông Tr phải thanh toán cho ôngM, ôngM còn phải thanh toán ông Tr 878.000 đồng. ÔngM có trách nhiệm thanh toán giá trị 42,25m^2 đất ao = 72,3m^2 – (54,1m^2:2) x 42.000 đồng/m^2 = 1.900.000 đồng, tổng cộng ôngM phải thanh toán cho ông M là 2.233.000 đồng.

Đối với sân gạch phía trước nhà ông M, cổng, tường bao lối đi chung do ôngM làm không yêu cầu ông M thanh toán nên không đặt ra giải quyết.

[9] Những người thừa kế của cụ O đều nhường quyền hưởng di sản của cụ O cho ông H và ôngTh theo như biên bản đã thỏa thuận. Do vậy chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông H và ôngTh về việc xác định quyền sử dụng đất đối với phần di sản thừa kế của cụ Oanh, không chấp nhận đối với phần di sản thừa kế của Kh mà phân chia di sản theo quy định của pháp luật. Toàn bộ diện tích đất đứng tên cụ Kh là tài sản chung của cụ Kh và cụ Oanh. Đối với diện tích đất tại thửa 1752 và 1749 do cụ O đứng

tên sẽ trừ diện tích đất ruộng của cụ O quy đổi còn lại là tài sản chung của cụ Kh và cụ Oanh.

Cụ Kh chết năm 2015 nên di sản của cụ Kh được chia cho cụ Oanh, ông Tr, ôngM, ông M, bàL, bàNh, bàT, bà Th, bà H, ông H, bà H, ông C, bà Th và ôngTh, cụ thể như sau:

[9.1] Thửa 1750 diện tích 711,2m^2 trong đó có 360m^2 đất ở và 351,2 m^2 đất trồng cây lâu năm, di sản của cụ Kh là 180m^2 đất ở và 175,6m^2 đất trồng cây lâu năm được chia đều cho 14 người, mỗi suất thừa kế được chia: 12,8m^2 đất ở và 12,5 m^2 đất trồng cây lâu năm.

[9.2] Thửa đất 1748 diện tích 341,6m^2 đất ao di sản của cụ Kh là 170,8m^2 được chia cho 14 người, mỗi suất thừa kế được chia 12,2m^2.

[9.3] Thửa 1752 diện tích 565,9m^2 trong đó có 360m^2 đất ở, 142 m^2 đất trồng cây lâu năm đã được quy đổi, diện tích đất trồng cây lâu năm còn lại là 63,9m^2 chia đều cho 14 người, mỗi suất thừa kế được chia: 12,8m^2 đất ở và 4,56m^2 đất trồng cây lâu năm.

[9.4] Thửa 1749 diện tích 590,8m^2 đất ao thuộc quyền sử dụng riêng của cụ Oanh.

[9.5] Mỗi người thừa kế được hưởng di sản của cụ Bùi Đức Kh là 25,6m^2 đất ở x 600.000 đồng/m^2=15.360.000 đồng, 17,06m^2 đất trồng cây lâu năm x 45.000 đồng/m^2 = 767.000 đồng và 12,2m^2 đất ao x 42.000 đồng = 512.000 đồng, tổng giá trị là 16.639.000 đồng. ÔngM, ông M, bàL, bàNh, bàT, bà Th, bà H, bà H, ông C, bà Th đều nhường quyền hưởng phần di sản của cụ Kh cho ông H và ôngTh theo như biên bản thỏa thuận phân chia di sản đã thống nhất nên ông H và ôngTh mỗi người được hưởng 6 suất thừa kế có giá trị là 99.834.000 đồng.

[9.6] Phân chia di sản của cụ Kh bằng hiện vật: Do ôngM, ông M, bàL, bàNh, bàT, bà Th, bà H, bà H, ông C, bà Th đều nhường quyền hưởng phần di sản của cụ Kh cho ông H và ôngTh. Đối với phần di sản của cụ O nằm trong khối tài sản chung với cụ Kh, những người trongHng thừa kế của cụ O đều thống nhất nhường quyền cho ông H và ôngTh được hưởng, do vậy:

+ Chia cho ông Bùi Đức H được quyền sử dụng thửa 1750 có diện tích 711,2m^2 trong đó có 360m^2 đất ở và 351,2 m^2 đất trồng cây lâu năm, đất có tứ cận: phía Nam giáp ao chia cho ông H dài 16,66m, phía Bắc giáp ruộng dài 16,07m, phía Đông giáp đất chia cho ông M dài 43,63m, phía Tây giáp đất ông C dài 43,62m. Và thửa đất ao

1748 diện tích 341,6m^2, có tứ cận: phía Nam giáp đường trục thôn dài 20,68m, phía Bắc giáp đất chia cho ông M dài 20,57m, phía Đông giáp lối đi chung nhà ôngM và ông M dài 14,19m, phía Tây giáp lối đi chung vào các thửa 1750,1751, 1752 dài 18,26m, xung quanh ao đã xây bờ bao. Ông H và bàH được quyền sở hữu nhà mái bằng, nhà thờ và các tài sản khác trên đất được chia. Đối với 13,4m^2 bếp ông C xây sang diện tích đất ông H được chia, ông H và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chia cho ông Bùi Đức Th được quyền sử dụng thửa 1752 diện tích 565,9m^2 trong đó có 360m^2 đất ở và 205,9m^2 đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: phía Nam giáp ao chia cho ôngTh dài 12,52 m, phía Bắc giáp ruộng dài 12,06 m, phía Đông giáp đất ông C dài 45,49m, phía Tây giáp đất bà Lê Thị Lệ dài 46,56 m. Và thửa 1749 diện tích 590,8m^2 trong đó có 264,3m^2 ao, 326,5m^2 đất đã được san lấp thành vườn, xây đền Hoàng làng, có tứ cận: phía Nam giáp đường trục thôn dài 33,45m, phía Bắc giáp đất ông C và thửa 1752 dài 29,73m, phía Đông giáp lối đi chung vào các thửa 1750,1751, 1752 dài 14,79m, phía Tây giáp đất bà Lê Thị Lệ dài 21,62m. ÔngTh và bà Ng được quyền sở hữu nhà biệt thự và toàn bộ tài sản trên diện tích đất được chia. Đối với 13,3m^2 cầu thang ôngTh xây sang đất ông C, hai ông tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9.7] Ông H và ôngTh mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho ông Tr giá trị một nửa suất thừa kế ông Tr được hưởng của cụ Kh là 8.320.000 đồng.

[10] Về chi phí tố tụng: gồm chi phí xem xét thẩm định, chi phí đo đạc và định giá tài sản tổng là 23.487.000 (hai mươi ba triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn) đồng, ông Tr, ôngM, ông M, ông H và ôngTh phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với phần di sản được chia, mỗi người phải chịu là 4.697.000 đồng. Ông Tr đã nộp toàn bộ số tiền này nên buộc ôngM, ông M, ông H và ôngTh mỗi người phải thanh toán cho ông Tr số tiền 4.697.000 đồng theo quy định tại các điều 157,158, 165,166 Bộ luật tố tụng dân sự.

[11] Về án phí: Ông Tr và ôngM là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận và 4.877.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần di sản được hưởng.

Ông H và ôngTh mỗi người phải chịu 4.992.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần di sản được hưởng.

Do yêu cầu độc lập của ông C được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điều 675 và 676 Bộ luật dân sự 2005; các điều 117, 149, 503, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015; Điều 167, 188 Luật đất đai; các điều 147, 157,158,165,166, 184, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 13, khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của cụ Bùi Đức Kh và cụ Phan Thị D (Rậu).

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Bùi Đức M về việc đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ quyền sử dụng đất mà mẹ ông là cụ Phan Thị D có đối với thửa đất 848, 850 (bản đồ Vlap: tổng diện tích 1432,4m^2) đã được mẹ ông tặng cho ông và ông Bùi Đức M; Đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ di sản thừa kế của cha ông là cụ Bùi Đức Kh và mẹ ông là cụ Phan Thị D, cụ Đoàn Thị O xác định đối với thửa đất số 848, 850 đã được ông Bùi Đức Tr và những người thừa kế hợp pháp của cha mẹ ông tặng cho ông và ông Bùi Đức M.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Bùi Đức M đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ quyền sử dụng đất mà mẹ ông là cụ Phan Thị D đứng tên đối với thửa đất 848, 850 là của ông và ông Bùi Đức M vì đã được mẹ ông tặng cho ông và ông Bùi Đức M; đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ di sản thừa kế của bố mẹ ông là cụ Bùi Đức Kh và cụ Phan Thị D, cụ Đoàn Thị O xác định đối với thửa đất số 848, 850 đã được ông Bùi Đức Tr và những người thừa kế hợp pháp của cha mẹ ông tặng cho ông và ông Bùi Đức M.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Bùi Đức H xác định quyền sử dụng đất đối với di sản của cụ Oanh, không chấp nhận yêu cầu xác định quyền sử dụng

đất đối với di sản của cụ Kh theo biên bản họp gia đình thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 28/9/2019.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Bùi Đức Th xác định quyền sử dụng đất đối với di sản của cụ Oanh, không chấp nhận yêu cầu xác định quyền sử dụng đất đối với di sản của cụ Kh theo biên bản họp gia đình thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 28/9/2019.

6. Chia di sản của cụ D và cụ Kh cho các thừa kế như sau:

6.1. Chia cho ông Bùi Đức Tr được quyền sử dụng 312,7m^2 đất, trong đó có 90 m^2 đất ở và 222,7 m^2 đất trồng cây lâu năm, đất có tứ cận như sau: phía Bắc giáp ruộng dài 39,53m , phía Nam giáp đất chia cho ôngM và ông M và ngõ thôn dài 12 m + 16,9 m + 0,06 m + 10,87m, phía Tây giáp đất chia cho ông H dài 9,14 m, phía Đông giáp ngõ thôn dài 8,16 m (có sơ đồ kèm theo). Ông Tr được quyền sở hữu chuồng nuôi, tường bao phía Đông, tường ngăn cách phía sau nhà ôngM và ông M nhưng có trách nhiệm thanh toán cho ôngM và bà P số tiền là 42.052.000 (bốn mươi hai triệu không trăm năm mươi hai nghìn) đồng; ông Tr được quyền sở hữu bể nước nhưng có trách nhiệm thanh toán cho ông M và bà H số tiền là 7.561.000 (bảy triệu năm trăm sáu mươi mốt nghìn) đồng. ÔngM, bà P và ông M, bà H có nghĩa vụ di dời toàn bộ cây trồng trên diện tích đất ông Tr được chia.

6.2. Chia cho ông Bùi Đức M được quyền sử dụng 442,4 m^2 đất trong đó có 135 m^2 đất ở và 307,4 m^2 đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: phía Bắc giáp đất chia cho ông Tr dài 16,75 m, phía Nam giáp ao chia cho ôngM và lối đi chung dài 11,39m, phía Tây giáp đất chia cho ông M dài 34,14m, phía Đông giáp ngõ thôn dài 34,44 m. Và toàn bộ diện tích đất ao 138,7m^2 có tứ cận: phía Bắc giáp đất ôngM được chia dài 11,39m, phía Nam giáp đường thôn dài 7,16m, phía Tây giáp lối đi chung dài 16,21m, phía Đông giáp ngõ thôn dài 13,8m và diện tích lối đi chung với ông M 54,1m^2, (có sơ đồ kèm theo). ÔngM và bà P được quyền sở hữu nhà và các tài sản khác trên đất được chia.

6.3. Chia cho cho ông Bùi Đức M được quyền sử dụng 404,9 m^2 đất trong đó có 135 m^2 đất ở và 269,9 m^2 đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: phía Bắc giáp đất chia cho ông Tr dài 12m , phía Nam giáp ao chia cho ông H và lối đi chung dài 11,66 m, phía Tây giáp đất chia cho ông H dài 34,49m, phía Đông giáp đất chia cho ôngM dài 34,14m. Và diện tích đất ao đã được lấp làm ngõ đi chung với ôngM 54,1m^2, (có sơ đồ kèm theo). Ông M và bà H được quyền sở hữu nhà và các tài sản khác trên đất được chia.

6.4. ÔngM có trách nhiệm thanh toán cho ông Tr 878.000 (tám trăm bảy mươi tám nghìn) đồng. ÔngM có trách nhiệm thanh toán cho ông M 2.233.000 (hai triệu hai trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

6.5. Chia cho ông Bùi Đức H được quyền sử dụng thửa 1750 có diện tích 711,2m^2 trong đó có 360m^2 đất ở và 351,2 m^2 đất trồng cây lâu năm, đất có tứ cận: phía Nam giáp ao chia cho ông H dài 16,66m, phía Bắc giáp ruộng dài 16,07m, phía Đông giáp đất chia cho ông M dài 43,63m, phía Tây giáp đất ông C dài 43,62m. Và thửa đất ao 1748 diện tích 341,6m^2, có tứ cận: phía Nam giáp đường trục thôn dài 20,68m, phía Bắc giáp đất chia cho ông M dài 20,57m, phía Đông giáp lối đi chung ôngM và ông M dài 14,19m, phía Tây giáp lối đi chung vào các thửa 1750,1751, 1752 dài 18,26m, (có sơ đồ kèm theo). Ông H và bàH được quyền sở hữu nhà mái bằng, nhà thờ và các tài sản khác trên đất được chia. Đối với 13,4m^2 bếp ông C xây sang diện tích đất ông H được chia, ông H và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6.6. Chia cho ông Bùi Đức Th được quyền sử dụng thửa 1752 diện tích 565,9m^2 trong đó có 360m^2 đất ở và 205,9m^2 đất trồng cây lâu năm, có tứ cận: phía Nam giáp ao chia cho ôngTh dài 12,52 m, phía Bắc giáp ruộng dài 12,06 m, phía Đông giáp đất ông C dài 45,49m, phía Tây giáp đất bà Lê Thị Lệ dài 46,56 m. Và thửa 1749 diện tích 590,8m^2 trong đó có 264,3m^2 ao, 326,5m^2 đất đã được san lấp thành vườn, xây đền Hoàng làng, có tứ cận: phía Nam giáp đường trục thôn dài 33,45m, phía Bắc giáp đất ông C và thửa 1752 dài 29,73m, phía Đông giáp lối đi chung vào các thửa 1750,1751, 1752 dài 14,79m, phía Tây giáp đất bà Lê Thị Lệ dài 21,62m. ÔngTh và bà Ng được quyền sở hữu nhà biệt thự và toàn bộ tài sản trên diện tích đất được chia.

6.7. Ông Bùi Đức H và ông Bùi Đức Th, mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho ông Bùi Đức Tr số tiền là 8.320.000 (tám triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng.

7. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Bùi Đức C, xác định thửa 1751 diện tích 629,2m^2, trong đó có 360m^2 đất ở và 269 m^2 đất trồng cây lâu năm do ông đứng tên theo bản đồ 04 năm 1992 thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Bùi Đức C, đất có tứ cận: phía Nam giáp ngõ đi vào thửa đất cụ O dài 15m, phía Bắc giáp ruộng dài 14m, phía Đông giáp đất chia cho ông H, phía Tây giáp đất chia cho ôngTh dài 43,49 m, (có sơ đồ kèm theo). Ông C có quyền sở hữu nhà và các tài sản khác trên diện tích đất trên. Đối với 13,3m^2 cầu thang ôngTh xây sang đất ông C, hai ông tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

8. Về chi phí tố tụng: ôngM, ông M, ôngTh, ông H mỗi người phải thanh toán cho ông Tr 4.697.000 (bốn triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn) đồng.

9. Về án phí: Ông Bùi Đức Tr và ông Bùi Đức M là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thâm.

Ông Bùi Đức M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận và 4.877.000 (bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần di sản được hưởng. Đối trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001813 ngày 02/02/2023 của Chi cục thiHnh án dân sự huyện Kiến Xương, ông M còn phải nộp 4.877.000 (bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng.

Ông Bùi Đức H và ông Bùi Đức Th mỗi người phải chịu 4.992.000 (bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần di sản được hưởng. Đối trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ôngTh và ông H đã nộp lần lượt theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001915 và 0001917 ngày 12/6/2023 của Chi cục thiHnh án dân sự huyện Kiến Xương, ôngTh và ông H mỗi người còn phải nộp 4.692.000 (bốn triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn) đồng.

Trả lại ông Bùi Đức C 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001916 ngày 12/6/2023.

10. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật các bên đương sự, những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thiHnh án chủ động ra quyết định thiHnh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thiHnh án của người được thiHnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thiHnh án) cho đến khi thiHnh án xong, tất cả các khoản tiềnHng tháng bên phải thiHnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thiHnh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thiHnh theo quy định tại Điều 2 Luật ThiHnh án dân sự thì người được thiHnh án dân sự, người phải thiHnh án dân sự có quyền thoả thuận thiHnh án, quyền yêu cầu thiHnh án, tự nguyện thiHnh án hoặc bị cưỡng chế thiHnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật ThiHnh án dân sự; thời hiệu thiHnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật ThiHnh án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh H

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, HCTP.